

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

Số: 217/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Trà Vinh, ngày 29 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững trên địa bàn tỉnh Trà Vinh
giai đoạn 2021 - 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

TỔNG CỤC LÂM NGHIỆP	
ĐẾN	Số: 725
	Ngày: 5/1/2021
	Kính chuyển:

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/04/2014 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 696/TTr-SNN ngày 29/12/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2030, với các nội dung chính sau:

1. Tên chủ rừng: Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh Trà Vinh trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (gọi tắt là Ban Quản lý)

2. Địa chỉ: Ấp Sa Bình, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

3. Mục tiêu của Phương án

3.1. Mục tiêu chung

- Xây dựng phương thức quản lý đạt được các mục tiêu về sử dụng hiệu quả và bền vững các diện tích rừng phòng hộ; bảo tồn đa dạng sinh học; sử dụng hợp lý cảnh quan, môi trường rừng để cung cấp dịch vụ môi trường rừng, cho thuê môi trường rừng; phát triển du lịch sinh thái dưới tán rừng, chia sẻ lợi ích từ rừng với các bên liên quan, góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

- Bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có, trồng mới rừng trên diện tích đất lâm nghiệp được giao.

3.2. Mục tiêu cụ thể

a) Về kinh tế

- Quản lý, sử dụng hiệu quả 5.449,81 ha đất lâm nghiệp Nhà nước giao.

- Trồng mới 330 ha rừng bằng cây giống có chất lượng để tăng thêm diện tích và chất lượng rừng, tạo môi trường thích hợp cho các loài thủy hải sản cư trú và sinh sản, tái tạo nguồn lợi thủy sản góp phần tạo sinh kế cho người dân địa phương.

- Tăng thu nhập cho người dân địa phương tham gia các hoạt động nghề rừng góp phần cải thiện đời sống.

b) Về môi trường

- Hoạt động trồng thêm rừng góp phần nâng tỷ lệ che phủ rừng của tỉnh đến năm 2025 là 4,2% và năm 2030 là 4,5%; đồng thời, góp phần chắn sóng lấn biển và hạn chế sạt lở đất, chắn cát bay bảo vệ sản xuất nông nghiệp của người dân ven biển và giảm phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính, cải tạo môi trường nước phục vụ nuôi trồng thủy sản và bảo vệ đa dạng sinh học trong khu vực rừng ven biển.

- Triển khai thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng theo quy định của Nhà nước tạo nguồn thu cho ngân sách tỉnh.

c) Về xã hội

- Các hoạt động trồng, chăm sóc rừng tạo việc làm thường xuyên cho 200 lao động là người dân địa phương và trên 2.500 tổ chức, hộ gia đình, cá nhân từ việc khoán bảo vệ rừng hàng năm, góp phần phát triển kinh tế và ổn định tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở một số địa phương.

- Các hoạt động tuyên truyền góp phần nâng cao nhận thức, ý thức của người dân về công tác bảo vệ và phát triển rừng.

- Tạo hiệu ứng, khuyến khích cộng đồng địa phương, các khu vực lân cận, các tổ chức quản lý rừng trong tỉnh cùng tham gia quản lý rừng bền vững.

4. Kế hoạch sử dụng đất

4.1. Dự kiến đến năm 2025: Trồng mới 177 ha rừng phòng hộ tập trung ven biển, nâng tổng số diện tích có rừng lên 3.465,83 ha (tỷ lệ che phủ rừng so với diện tích đất lâm nghiệp giao đạt 63,60%); diện tích bãi bồi ven biển và đất

khác chưa có rừng còn 1.983,98 ha (trong đó đất nuôi trồng thủy sản là 475 ha); giữ nguyên diện tích đất nông nghiệp khác 15,51 ha.

4.2. Dự kiến đến năm 2030: Tiếp tục trồng mới thêm 153 ha rừng phòng hộ tập trung ven biển, nâng tổng số diện tích có rừng lên 3.618,83 ha (tỷ lệ che phủ rừng so với diện tích đất lâm nghiệp giao đạt 66,41%); diện tích bãi bồi ven biển chưa có rừng còn 1.830,98 ha (trong đó đất nuôi trồng thủy sản là 450 ha); tiếp tục giữ nguyên diện tích đất nông nghiệp khác 15,51 ha.

5. Kế hoạch khoán bảo vệ và phát triển rừng

5.1. Khoán ổn định: Khoán toàn bộ diện tích 460,02 ha rừng Long Khánh, ấp Đình Cũ, xã Long Khánh, huyện Duyên Hải cho 268 hộ dân.

5.2. Khoán công việc, dịch vụ: Khoán toàn bộ diện tích 2.828,81 ha rừng còn lại cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

6. Kế hoạch quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, sản xuất, kinh doanh

6.1. Kế hoạch quản lý, bảo vệ rừng: Bảo vệ toàn bộ diện tích rừng, đất rừng được giao là 5.449,81 ha (trong đó: huyện Châu Thành 844,81 ha; huyện Cầu Ngang 1.438,13 ha; huyện Duyên Hải 2.715,22 ha; thị xã Duyên Hải 409,18 ha; thành phố Trà Vinh 42,47 ha) hàng năm Ban Quản lý xây dựng kế hoạch quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng để thực hiện công tác quản lý, bảo vệ rừng; đồng thời, thường xuyên giám sát điều tra, theo dõi tình hình sâu bệnh hại để có biện pháp phòng, trị kịp thời.

6.2. Kế hoạch phát triển rừng: Trồng mới rừng và chăm sóc rừng 330 ha tại các bãi bồi ở xã Mỹ Long Nam, huyện Cầu Ngang, xã Đông Hải và các khu vực đất cát ở xã Đông Hải, huyện Duyên Hải.

6.3. Kế hoạch làm giàu rừng: 50 ha rừng Phi lao tại xã Đông Hải, huyện Duyên Hải.

6.4. Kế hoạch sản xuất giống: 21 ha (03 ha vườn giống, 03 ha rừng giống và 15 ha rừng giống chuyển hóa Đước) tại xã Đông Hải, huyện Duyên Hải.

6.5. Kế hoạch tía thưa rừng: 372 ha rừng Đước và Phi lao ở các khu vực rừng đủ điều kiện.

6.6. Xây dựng hạ tầng phục vụ quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng, gồm 08 hạng mục: Sửa chữa Văn phòng Ban Quản lý; nâng cấp Vườn ươm cây ngập mặn ấp Giồng Giếng, xã Dân Thành, thị xã Duyên Hải; xây dựng chốt bảo vệ rừng; đường lâm sinh xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải và xã Đông Hải, huyện Duyên Hải; đầu tư xây dựng bể chứa nước phòng cháy chữa cháy rừng; đầu tư lắp đặt các bảng Pano tuyên truyền và biển báo phòng cháy chữa cháy rừng; kè mềm phục vụ trồng rừng; kênh thoát nước.

6.7. Các hoạt động khác, gồm: Nghiên cứu khoa học; kế hoạch phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; sản xuất lâm, nông, ngư nghiệp kết hợp; hoạt động chi trả dịch vụ môi trường rừng, thuê môi trường rừng; tuyên truyền,

phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng; theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, đa dạng sinh học; điều tra, kiểm kê rừng.

7. Kinh phí thực hiện Phương án

7.1. Tổng vốn đầu tư: 273.755 triệu đồng (*Hai trăm bảy mươi ba tỷ, bảy trăm năm mươi lăm triệu đồng*). Trong đó:

- Chi thực hiện nhiệm vụ thường xuyên: 36.880 triệu đồng.
- Đầu tư cho quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng bền vững: 236.875 triệu đồng.

7.2. Nguồn vốn: Đầu tư từ ngân sách nhà nước và huy động xã hội hóa.

7.3. Phân kỳ vốn đầu tư

STT	Năm	TIỀN (Tr. đồng)	Cơ cấu (%)
1	Năm 2021	14.839	5,42
2	Năm 2022	16.569	6,05
3	Năm 2023	21.920	8,01
4	Năm 2024	29.650	10,83
5	Năm 2025	51.054	18,65
6	Năm 2026	56.060	20,48
7	Năm 2027	28.860	10,54
8	Năm 2028	20.276	7,41
9	Năm 2029	17.816	6,51
10	Năm 2030	16.711	6,10
	Tổng cộng	273.755	100

8. Thời gian thực hiện: 2021 - 2030

9. Giải pháp thực hiện Phương án:

Tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

- Về công tác quản lý, nguồn nhân lực;
- Về phối hợp với các bên liên quan;
- Về công nghệ;
- Về nguồn vốn, huy động nguồn vốn đầu tư.

(Chi tiết tại mục VII của Phương án quản lý rừng bền vững trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2030 đính kèm)

Điều 2. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo Ban Quản lý phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Phương án quản lý rừng bền vững trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2030; đồng thời, giao Ban Quản lý chịu trách nhiệm trực tiếp về nội dung chi, mức chi và hiệu quả của Phương án nhằm đảm bảo đúng theo quy định, quản lý, sử dụng vốn đúng mục đích, đạt yêu cầu của mục tiêu đề ra.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương; Thủ trưởng các Sở, ngành tỉnh có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Các Bộ: NN&PTNT, TC;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- BLĐVP; các Phòng: CN-XD, KT, KG-VX, TH-NV và BTCD-NC;
- Lưu: VT, NN. **09**

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH &
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thanh Bình